

DẤU ẤN VĂN HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ SÔNG NƯỚC TRONG THÀNH NGỮ - TỤC NGỮ KHMER NAM BỘ

Phạm Tiết Khánh *

Tóm tắt

Trong nội dung bài báo, chúng tôi bước đầu tìm hiểu những hình ảnh mang dấu ấn của nền văn hóa nông nghiệp và sông nước trong thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ. Đó là những hình ảnh quen thuộc, gắn gũi trong sản xuất nông nghiệp: cây lúa, hoa màu, các con vật; những dòng sông, con rạch, các phương tiện di chuyển trên sông, ... Những hình ảnh này không chỉ làm cho nội dung phản ánh của thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ phong phú hơn mà còn góp phần khẳng định bản sắc văn hóa người Khmer Nam Bộ.

Từ khóa: Văn học dân gian Khmer Nam Bộ, thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ, người Khmer.

Abstract

This paper is to initially find out images marked by the agricultural and river culture through Southern Khmer idioms and proverbs. Those images are demonstrated closely to agricultural production: rice, vegetables, animals; rivers, canals, transportation on river. These images not only reflect the enrichment of the Southern Khmer idioms and proverbs but also affirm the Southern Khmer cultural character.

Key words: Southern Khmer folklore, Southern Khmer idiom - proverb, Khmer people.

1. Mở đầu

Là một trong bốn dân tộc cộng cư trên vùng đất Nam Bộ (Kinh, Khmer, Hoa, Chăm), người Khmer sinh cơ lập nghiệp lâu đời tại đây và sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa, hoa màu, khai thác thủy sản và nghề thủ công truyền thống. Đời sống sản xuất vật chất này đã hình thành nên những giá trị văn hóa tinh thần in đậm bản sắc dân tộc.

Người Khmer Nam Bộ đã đóng góp đáng kể cho nền văn học dân gian Việt Nam qua các thể loại chứa đựng các giá trị văn hóa phong phú, đa dạng, gắn chặt với quá trình lao động sản xuất, cải tạo thiên nhiên ở vùng sông nước phương Nam. Có thể nói, văn học dân gian Khmer đã vẽ nên một bức tranh sinh động, đầy màu sắc về đời sống sinh hoạt của người Khmer Nam Bộ và qua đó nền văn hóa Khmer được biểu hiện một cách cô đọng, chân thực nhất: “*Bản sắc văn hóa Khmer là những biểu hiện cơ bản nhất, đặc sắc nhất về tinh thần, về vật chất của người Khmer*” (Nguyễn Mạnh Cường, Trường Lưu). Trong đó, thành ngữ - tục ngữ Khmer đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên của miền nhiệt đới đặc trưng, mang dấu ấn nền văn hóa nông nghiệp và sông nước. Tư duy liên tưởng, thói quen lựa chọn hình ảnh trong thành ngữ - tục ngữ của người Khmer Nam Bộ cũng đã góp phần quan trọng thể hiện bản sắc văn hóa riêng biệt này. Cái riêng này chính là dấu ấn văn hóa - dân tộc.

Điểm chung của thành ngữ - tục ngữ là sự diễn đạt ngắn gọn, cô đọng; ý nghĩa hay và hình ảnh đẹp. Tuy nhiên, bên cạnh nét chung, mỗi dân tộc có cấu trúc, tư duy và chất liệu riêng để biểu đạt nội dung triết lý sống. Là một thể loại văn học dân gian, thành ngữ - tục ngữ Khmer là công cụ phản ánh kết quả tư duy, đồng thời in đậm dấu ấn nền văn hóa nông nghiệp lúa nước và mang nét riêng so với văn hóa của các dân tộc khác. Điều này thể hiện qua nhiều yếu tố. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề cập đến yếu tố hình ảnh để tìm ra dấu ấn văn minh lúa nước và văn minh sông nước trong nội dung phản ánh của thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ.

2. Nội dung

Thành ngữ - tục ngữ là thể loại gắn gũi và quen thuộc bởi nó gắn liền với đời sống con người thông qua lời ăn tiếng nói trong sinh hoạt hằng ngày, nhất là trong lao động sản xuất. Thành ngữ - tục ngữ được sản sinh ra từ thực tế lao động và có giá trị vận dụng. Trong đời sống và tư duy, thành ngữ - tục ngữ hướng dẫn chúng ta kinh nghiệm về cách nhìn nhận, bình giá, ứng xử và thực hành các hiện tượng trong tự nhiên cũng như trong đời sống xã hội. Thành ngữ - tục ngữ thường được diễn đạt một cách ngắn gọn nên dễ thuộc dễ nhớ, thông qua các hình ảnh bình dị. Thành ngữ - tục ngữ Khmer

Nam Bộ cũng có những đặc điểm chung đó. Tuy nhiên, nội dung phản ánh cũng như ngôn ngữ diễn đạt thì có những điểm khác biệt, do sự chi phối bởi điều kiện sinh sống, đặc điểm văn hóa xã hội mang tính đặc thù vốn có của người Khmer Nam Bộ. Qua khảo sát, tìm hiểu về thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ, chúng tôi nhận thấy những dấu ấn phản ánh nền văn hóa lúa nước và sông nước một cách rõ nét và sinh động qua đời sống sản xuất, sinh hoạt nông nghiệp của người Khmer Nam Bộ.

2.1. Dấu ấn văn minh nông nghiệp trong thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ

Nước ta có nền văn minh nông nghiệp lúa nước lâu đời, cùng với người Kinh, Hoa và Chăm, người Khmer sản xuất nông nghiệp lấy nghề trồng lúa là chính. Trong quá trình sản xuất, người Khmer có sự gắn bó mật thiết với các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất như các sự vật hiện tượng tự nhiên, cây trồng: lúa, hoa màu và các con vật. Tất cả các yếu tố đó đã được thể hiện trong thành ngữ, tục ngữ Khmer Nam Bộ bằng những hình ảnh khác nhau.

2.1.1. Hình ảnh cây trồng nông nghiệp

Trải qua quá trình canh tác lâu dài gắn với thực tế quan sát, chiêm nghiệm và suy ngẫm, người Khmer Nam Bộ đã mô tả khá chi tiết và đúc kết những kinh nghiệm cho từng công đoạn trong quá trình sản xuất cây lúa cũng như canh tác hoa màu.

Về kinh nghiệm trong việc chọn lựa cây trồng, thành ngữ - tục ngữ Khmer nhấn mạnh đến sự phù hợp của từng loại cây trồng với vốn đất đai sẵn có: “*Đất nhiều làm ruộng, đất ít trồng rau*”; “*Trồng rau giồng ngắn, trồng cải giồng dài*”;...

Bên cạnh đó, thành ngữ - tục ngữ Khmer cũng chú ý nhiều đến việc chọn giống cây trồng, nhất là trong trồng lúa. Trước đây, hầu hết người Khmer đều làm ruộng cấy, do đó khâu làm mạ và chọn giống là rất quan trọng: “*Làm lúa trúng mùa do giống tốt gieo ra; nên tìm giống tốt, gieo sạ lưu lại*”. Việc chọn được giống tốt, đất tốt sẽ cho mạ tốt: “*Mạ tốt do đất, vợ khôn để tiếng cho chồng*”.

La động nông nghiệp, ngư nghiệp vốn phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu. Vì thế người nông dân luôn theo dõi, quan sát các hiện tượng thời tiết, chú ý sự diễn biến của thời tiết từng ngày để kịp thời có sự điều chỉnh thích hợp trong sản xuất. Qua quá trình sản xuất lâu dài, nhân dân ta đã tích lũy được vốn kinh nghiệm phong phú về quy luật diễn biến của thời

tiết, khí hậu qua hiện tượng tự nhiên như: mưa, nắng, gió, ... người Khmer đã rút ra những nhận xét, những phán đoán về thời tiết như “*Làm ruộng kịp lúc có mưa*”; “*Xuống giống kịp thời vụ, như cá hát kịp nhịp đàn*”. Ngoài ra, người nông dân còn quan sát con vật để dự đoán thời tiết “*Kiến bay thì trời mưa*”. Có thể thấy các con vật được quan sát thường là các con vật sống trong tự nhiên, không được con người nuôi nấng, chăm sóc. Vì vậy, khi thời tiết sắp thay đổi thì cơ thể chúng sẽ có những phản xạ nhằm thích nghi với hoàn cảnh mới. Đó là bản năng sinh tồn của mỗi loài. Sự phản xạ của các con vật đã được con người quan sát, ghi nhận rồi đúc kết thành kinh nghiệm dự đoán thời tiết quý báu. Như vậy, với vốn tri thức tự nhiên, những kinh nghiệm dự đoán thời tiết, khí hậu tuy còn sơ khai, được sinh ra trong thời kì khoa học kĩ thuật còn thô sơ nhưng đã giúp đỡ con người rất nhiều trong việc phát triển sản xuất và phục vụ đời sống.

Trong sản xuất nông nghiệp, người nông dân nói chung rất cần đến kỹ thuật canh tác: “*Hành làm giồng, mướp làm giàn*”; “*Làm vườn phải biết chăm sóc, làm ruộng phải biết xem cỏ*”, “*Trồng dưa phải biết đào giồng, trồng hành phải biết nhổ cỏ*”;... Tính cần mẫn của người lao động cũng là thước đo cho sản phẩm thu được sau mỗi vụ mùa. Sản xuất nông nghiệp tuy có vẻ đơn giản vì người nông dân thời xưa hầu như sinh ra và lớn lên đều có thể làm ruộng, làm rẫy được. Tuy nhiên, kết quả thu về còn phụ thuộc rất nhiều vào những bài học mà chính họ đã trải qua và đúc kết được từ thực tế. Những bài học này thật sự rất quý, phản ánh được tính cách chịu thương chịu khó, lối tư duy, nếp nghĩ đơn giản nhưng thực tế và hiệu quả của người nông dân nói chung và người Khmer Nam Bộ nói riêng trong quá trình sản xuất và tự làm giàu vốn hiểu biết cho bản thân mình.

Ngoài ra, dấu ấn của nền văn hóa nông nghiệp lúa nước còn được biểu hiện ở kinh nghiệm đánh giá năng suất của vụ mùa, bảo quản hạt lúa và hơn hết là thái độ ứng xử với thành quả mà người lao động đã làm ra: “*Ngáng lép, cúi chắc hạt*”; “*Lúa gục xuống khi chín thì được mùa, lúa thẳng ngọn thì mất mùa*”; “*Củ nhiều nứt giồng*”; “*Giồng người thấp hèn đến đâu cũng không bỏ tình cha mẹ. Lời nói của con người dài hơn đường đi, lúa để lâu năm hư gạo*”; “*Com nguội cũng là com, đàn bà góa cũng là đàn bà*”; “*Ăn com của ai phải biết giúp đỡ người đỡ*”; “*Đi chơi nhà người ta dù gần xa, người ta mời com phải ráng nhận. Gạo nấu người ta đã tỉnh, chỉ đủ miếng ăn trong gia đình*”;

“Ngược xuôi cơm phước thành cơm khát thực”; ... Hay mượn hình ảnh nông sản để nói đến tính cách tốt xấu của con người và còn khuyên dạy chúng ta có cách hành xử đúng đắn trong cách ăn, nếp ở: “Lù khù cạy lưng nôi cơm”; “Đừng lấy cơm trét miệng dế”; “Bắt cá hai tay là điều tham, đổ gạo lấy trấu ngăn không được, chèo ghe lên núi cổ cho ngược, cầu phật lại đi lấy cơm cúng”;....

2.1.2. Hình ảnh con vật trong sản xuất nông nghiệp

Qua thực tế quan sát, hoạt động sản xuất nông nghiệp không chỉ có con người mà còn có sự tham gia của các con vật. Từ lâu, người Khmer đã biết dùng súc vật vào việc canh tác. Hình ảnh những con vật ấy được thể hiện một cách sinh động, tự nhiên và mang nhiều ý nghĩa trong bức tranh lao động của người Khmer Nam Bộ. Trong đó, những con trâu, con bò không chỉ là phương tiện trong sản xuất mà còn là người bạn đồng hành, là phương tiện phản ánh của người nông dân Khmer trong sản xuất, trong sinh hoạt hằng ngày: “Muốn sống dai phải cực như trâu, còn sống khỏe như heo sẽ mau chết”, “Cỡi trâu qua sông, dễ hơn lội qua nước”, “Bò có dây, ruộng có bờ”, “Mất bò mới lo làm rào đến mùa thi mới ráng đi học”, “Giận bò đánh xe”; “Đàn gậy tai trâu”;... Ngoài ra, hình ảnh con voi cũng xuất hiện rải rác trong vài câu tục ngữ của người Khmer Nam Bộ: “Hai vợ, ba bò, một voi làm khổ bản thân”, “Việc gì cũng phải cân đùng có thân như voi”,... nhưng lại phổ biến trong thành ngữ - tục ngữ của người Khmer ở Campuchia, nguyên do có thể vì Campuchia là đất nước có địa hình nhiều đồi núi, con voi trở thành một phương tiện quan trọng phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người nông dân nơi đây.

Còn trong chăn nuôi, ta bắt gặp trong thành ngữ - tục ngữ Khmer hình ảnh của những con vật nuôi trong gia đình: “Gà đẻ trên bồ lúa”, “Gà nào đẻ gà đó cực tác”, “Chó cắn phải tìm chủ, bò húc phải tìm quan”, “Giống vịt không quen leo giàn, giống thú rừng không ở trong sóc”;... Ngoài ra, hình ảnh những con vật này cũng mang ý nghĩa biểu trưng cho những thói hư tật xấu và qua đó là những lời khuyên cho lối sống, cách nghĩ: “Giống vịt vẫn là vịt, giống gà vẫn là gà”; “Đầu gà đít vịt”; “Lúc bệnh nặng hứa cúng voi, khi hết bệnh mang hột gà đi cúng”;...

Với những hình ảnh phong phú về loài vật trong thành ngữ - tục ngữ Khmer đã cho thấy khả năng bao quát thế giới khách quan của dân gian. Từ các con vật trên đồng ruộng đến các con vật được nuôi

đưỡng trong nhà đã được đồng bào Khmer ghi nhận và đưa vào thành ngữ - tục ngữ Khmer với những lí giải độc đáo, thú vị. Đó không dừng lại là kinh nghiệm được nhìn thấy, nghe thấy từ các giác quan bên ngoài mà sâu xa hơn là những suy ngẫm từ chiều sâu văn hóa, từ tiềm thức của một tộc người.

2.1.3. Hình ảnh nông cụ

Các loại công cụ thô sơ được người nông dân Khmer Nam Bộ chế tạo và sử dụng phổ biến trong đời sống sinh hoạt cũng như trong sản xuất nông nghiệp chủ yếu là dao, búa, rìu,... Hình ảnh *cây rìu* xuất hiện khá nhiều với cách tri nhận độc đáo của người dân Khmer như: “Mười cây rìu chêm chỉ một miếng gỗ”, “Rìu lung lay tại cán”, “Rìu ngang tại cán, con hư tại mẹ”; “Cây búa xài được nhờ có cán”;... Nhưng đa số những hình ảnh này được dùng để giúp ta liên tưởng so sánh với các sự vật khác trong đời sống: “Bén như dao chém”, “Như dao với thớt”, “Như búa với đe”; “Dao bén bén thật ở trong vỏ, kiến thức có thật ở trong sách”;...

2.2. Dấu ấn văn hóa sông nước trong thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ

2.2.1. Hình ảnh kênh rạch, dòng sông và con nước

Nam Bộ nói chung, Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng có kiến tạo tương đối mới trên một vùng châu thổ với cảnh quan điển hình của một vùng sinh thái sông nước. Lịch sử nền văn minh sông nước ở Đồng bằng sông Cửu Long bắt đầu từ rất sớm, từ thiên niên kỷ thứ I trước Công nguyên. Cư dân vùng đất này đã tạo dựng nền văn minh Phù Nam rực rỡ – một điển hình văn minh sông nước hạ lưu Mêkông trong quá khứ. Văn minh Đồng bằng sông Cửu Long được mệnh danh là văn minh sông nước với ý nghĩa đầy đủ và đa dạng của nó. Và hình ảnh kênh rạch là một trong những yếu tố làm nên văn minh sông nước.

Việc thu hoạch lúa của người Khmer Nam Bộ diễn ra vào cuối mỗi mùa nước lụt nên cư dân phải kết gỗ làm thành ghe, xuồng, bè để di chuyển theo những dòng nước nhất định. Từ đó tạo thành luồng lạch, khởi đầu cho việc hình thành hệ thống đường nước mà trong mùa khô chúng là con đường, sang mùa nước lại trở thành dòng kinh: “Nước chảy theo kênh, con thỏ chạy theo dòng”; “Có kênh nước mới chảy”;...

Trên một dòng sông có thể có nhiều khúc, mỗi khúc như vậy có nhiều dòng: “Ngay thành sông,

cong thành khúc”; “Một khúc củi giữa dòng còn có lợi hơn nói dóc”. Vì mỗi dòng có đặc điểm khác nhau, cho nên phải biết cách xử lí thích hợp với từng tình huống, hoàn cảnh: “Đi sông phải theo dòng uốn”; “Đến xứ người phải theo tập tục”; “Vô sông theo khúc, vô sóc theo xứ”;... Tác giả dân gian cũng không quên nhắc nhở con người rằng sông không phải lúc nào cũng hiền hòa mà đôi khi lại rất hiểm trở, là mối đe dọa đối với con người: “Không biết bơi đừng lội xuống sông”.

Hình ảnh bùn, sinh dưới đáy sông hay ao hồ cũng được người dân Khmer Nam Bộ nhắc đến một cách sinh động và hóm hỉnh: “Nư bắt con lươn thấy bùn”; “Có sinh vì đất, nghĩ nông sẽ trở nên đại”; “Danh dự nhà gái như tấm vải rút xuống bùn, Danh dự nhà trai như vàng rút xuống bùn”; “Gái đẹp như mặt trăng, tính tình không đẹp cũng như con chó dưới bùn”;...

Gắn với những con kênh, luồng lạch là dòng nước. “Nước” trong thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ không chỉ là yếu tố quan trọng trong sản xuất nông nghiệp: “Làm ruộng nhờ nước, đánh giặc nhờ cơm”; “Hành xem nước, đua hầu xem dây”;... mà còn mang nhiều ý nghĩa biểu trưng:

- Nước đục - nước trong: “Cây trái nhiều hư lá, cá nhiều nước đục”; “Nước trong gội đầu, nước đục rửa chân”; “Nước trong khe, nếu đục là do sóng vỗ”;...

- Nước sâu: “Nước sâu luôn có suối”.

- Nước xuống - nước lên: “Nước lên cá ăn kiến, nước xuống kiến ăn cá”.

- Nước mát - nước nóng: “Nước mát gom cá, nước nóng cá đi”.

- Nước ròng - nước lớn: “Nước lớn thì bìm bịp kêu”.

Ngoài ra, hiện tượng “nước chảy” cũng được người dân Khmer mô tả với nhiều sắc thái: “Nước chảy không bao giờ mệt, Phạt tổ không bao giờ giận”; “Nước chảy xuống thấp, gò kêu mấy, nước cũng không lên được”; “Có rãnh nước mới chảy, có bóng dáng chó mới sủa”; “Nước chảy không đứt khúc”; “Nước dâng phước vua”;... Cho dù nước có thể tồn tại trong khe, rãnh, kênh,... nhưng môi trường sinh hoạt phổ biến hơn cả của chúng là sông, biển. Vì vậy, hình ảnh sông, biển cũng được người dân Khmer Nam Bộ ghi nhận một cách tỉ mỉ và sống động: “Bờ sông bờ biển xa thật là xa nhưng đi tới; bờ trí tuệ, lòng người xa thật đi không tới, hiểu không hết”. Và sự so sánh giữa sông và biển

cũng mang một ngụ ý về đời sống của con người: “Mười sông không bằng một biển”.

2.2.2. Hình ảnh các phương tiện di chuyển trên sông

Trôi theo dòng nước trên những kênh rạch và sông ngòi chằng chịt ở Nam Bộ là hình ảnh của những chiếc xuồng, ghe, tàu, đò. Đó là những phương tiện không thể thiếu để giúp người nông dân Khmer Nam Bộ di chuyển, chuyên chở nông sản, giao lưu mua bán: “Buôn dưới nước nhờ ghe, buôn trên cạn nhờ xe”.

Xuồng là thuyền nhỏ không có mái che và thường đi kèm theo thuyền lớn. Những người tin dị đoan cho rằng khi bước xuống xuồng không được bước ở đàng lái: “Xuồng ghe đừng bước ngay lái, vào rùng đừng giữ ở lều”. Và nhân dân Khmer dựa vào sự nguyên vẹn của chiếc xuồng để đánh giá xuồng tốt - xấu: “Xuồng bể là xuồng tốt, xuồng cụt (xấu) là xuồng còn”. Hình ảnh chiếc xuồng trong thành ngữ - tục ngữ Khmer cũng mang ý nghĩa biểu trưng cho sự bấp bênh, lệ thuộc, sự bạc bẽo,...: “Lênh đênh như xuồng không neo”; “Người bơi xuồng đừng bỏ cây dầm, người theo đạo đừng bỏ chùa”, “Nếu không giúp bơi chèo đừng lấy chân cản nước”; “Kéo xuồng đừng cho gọn sóng; bắt cá đừng cho đục nước”; “Chớ khinh việc nhỏ, lỗ hờ chìm xuồng”; “Thà mất cha đừng để mất mẹ, thà chìm xuồng giữa sông đừng để lửa cháy nhà”;...

Ngoài hình ảnh chiếc xuồng, hình ảnh chiếc ghe, chiếc tàu trong thành ngữ - tục ngữ Khmer cũng thật thú vị. Ghe là loại thuyền gỗ có mái. Nó không chỉ là phương tiện di chuyển mà còn là phương tiện để người dân buôn bán. Còn tàu là tên gọi chung của phương tiện vận tải hoạt động bằng máy móc phức tạp. Vì vậy, tàu lớn hơn ghe, xuồng nên thường có thể kéo ghe xuồng. Những đặc điểm trên giúp cho những hình ảnh này mang ý nghĩa biểu trưng cho thân phận con người: “Buôn dưới nước nhờ ghe, buôn trên cạn nhờ xe”; “Lênh đênh như ghe giữa sông”; “Ghe nhờ tàu kéo”; “Cầm mái chèo phải biết hướng”; “Tàu lớn muốn vào bờ phải nhờ bè”;...

Trong nhiều phương tiện vận chuyển trên sông nước, thuyền, đò là những hình ảnh ẩn dụ thường thấy trong ca dao. Thuyền là phương tiện giao thông nhỏ trên mặt nước hoạt động bằng sức người, sức gió. Còn đò là thuyền nhỏ chở khách trên sông nước, đi theo một tuyến nhất định. Đò thường đi liền với bến, vì mỗi con đò đều có bến đỗ. Trong

thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ, thuyền, bến và dò cũng không thể vắng mặt: “*Thuyền đi bến ở*”; “*Thuyền to buồm to*”; “*Đò đi bến còn ở lại*”;...

2.2.3. Hình ảnh thực vật, động vật sống trong môi trường nước

Nói đến văn hóa sông nước không thể thiếu các loài thực vật cùng tồn tại trong quần thể sinh vật phong phú đa dạng nơi đây. Tuy nhiên, qua khảo sát, thực vật được phản ánh trong thành ngữ - tục ngữ Khmer không nhiều. Chúng tôi mới tìm thấy hai loại thực vật sống trong môi trường nước được người Khmer Nam Bộ nhắc đến là *bông sen*, *bông súng* với đặc điểm: “*Bông sen dù ở trong bùn vẫn đẹp đẽ*”, “*Lấy bông súng đo nước sâu, xem cá tính đánh giá dòng họ*”. Loại thực vật này gắn bó với người Khmer trong đời sống ẩm thực và sinh hoạt cho đến ngày hôm nay.

Trong khi động vật sống trong môi trường nước lại xuất hiện trong thành ngữ - tục ngữ Khmer khá phong phú. Trước tiên, con vật xuất hiện nhiều trong thành ngữ - tục ngữ Khmer phải kể đến là *con ếch*, *lươn*,... Ếch là loài lưỡng cư, có thể sống trên cạn lẫn dưới nước. Chúng thường trú ngoài ruộng lúa, trong ao, gốc sen, dưới giếng. Hình ảnh con vật này thường biểu trưng cho những điểm tiêu cực, hạn chế trong tư duy, tính cách, ý thức của con người: “*Con ếch trong ao tưởng trời bằng nắp nồi*”; “*Ếch gặp mưa*”; “*Đừng chết như rắn, đừng sống như ếch*”; “*Con ếch ở gần gốc sen, không biết mùi thơm của hoa sen, con ong tuy xa các loài hoa nhưng vẫn hút được nhụy*”; “*Con ếch ở trong giếng nước, tưởng trời cao chỉ bằng nắp vung, kẻ không có tri thức, cứ cho mình là người giỏi nhất*”;... Con lươn cũng có môi trường sống dưới nước nhưng không sống trong nước mà sống ở bùn, sinh và dân gian dựa vào đặc điểm sinh học của con vật này để ngầm nhắc nhở con người nhận thức đúng về giá trị thực của bản thân để có lối sống phù hợp: “*Con lươn để dưới bùn lầy*”; “*Như bắt con lươn thấy bùn*”; “*Sai lươn chui xuống sông*”; “*Lươn ngắn mà chê trạch dài*”;...

Hình ảnh cá xuất hiện rất nhiều trong thành ngữ - tục ngữ Khmer Nam Bộ. Hình ảnh cá được người dân phản ánh với nhiều đặc điểm và đáng vẻ khác nhau. Trong công cuộc khai khẩn vùng đất Nam Bộ hoang sơ, con người nơi đây đã phải sống trong môi trường: “*Xuống sông gắp cá sấu, lên bờ gắp cạp*”. Cá sấu là động vật sống trong môi

trường nước và là mối đe dọa đối với con người và những loài vật khác bởi tính hung hăng và xảo quyệt của nó. Từ đặc điểm này, người ta liên tưởng đến tính cách của con người. Người Việt thường nói: “*Nước mắt cá sấu*” để chỉ sự giả dối; còn với người Khmer, bên cạnh nét nghĩa đó, thành ngữ - tục ngữ Khmer còn dùng hình ảnh cá sấu còn chỉ sự quan trọng, tốt đẹp: “*Đừng có đại tin cá sấu cho quá giang*”; “*Đừng dạy cho chim bay, đừng dạy sấu lội nước*”; “*Thà để cho cá sấu nuốt, không để cá lòng tong rĩa*”; “*Cá sấu quên bụng*”;...

Hình ảnh các loài cá lần lượt xuất hiện trong thành ngữ - tục ngữ Khmer không đơn giản chỉ là liệt kê ra tên của các loài cá, môi trường phù hợp cho cá hay cách thức đánh bắt mà thông qua từng loài cá để chỉ đặc điểm, bản chất của con người: “*Chết vì lời nói như cá sặc*”; “*Cá đuối sinh trở thành cá nướng*”; “*Xếp đặt như đầu cá bóng*”; “*Nước mát gom cá, nước nóng cá đi*”; “*Có nước có cá*”; “*Ao mát nhiều cá, cây mục nhiều mối*”; “*Đất cao mối ở, nước xuống cá nằm hang*”;... Cá còn được phân loại ở dạng thành phẩm, điều đó không chỉ nói lên kinh nghiệm trong việc chế biến sản phẩm từ cá: “*Cá tươi đừng muối chung với cá thối*” mà còn phản ánh những điều phi lý, ngược đời: “*Cá khô mà muốn để, tre khô mà muốn mọc măng*”. Như vậy, thông qua lối nói hình tượng, chúng ta có thể rút ra những bài học áp dụng cho chính đời sống sinh hoạt, ứng xử của mình: “*Kéo xuống đừng cho gợn sóng*”, “*Bắt cá đừng cho đục nước*”; “*Bắt cá hai tay là điều tham, đổ gạo lấy trấu ngăn không được, chèo ghe lên núi cổ cho ngược, cầu Phật lại đi lay cơm cúng*”; “*Nước lên cá ăn kiến, nước xuống kiến ăn cá*”; “*Con cá dưới chân không bắt, lại đi bắt con cá ở xa*”; “*Một con cá hôi làm hôi cả giỏ*”; “*Người thấy lợi mà không thấy hại như cá thấy mồi mà không thấy lưỡi câu*”; “*Cá được cá nhỏ, cá mất cá to*”;...

Ngoài ra, những động vật sống trong môi trường sông nước còn được người Khmer Nam Bộ kể tên như: *đĩa*, *rùa*, *cua*, *tôm*,...: “*Đĩa cắn đừng cắn đĩa*”; “*Rùa chọi với voi*”; “*Thông minh như thỏ, dốt như le*”; “*Ghiền như cua lùa phân, như bắt cua bỏ trên nia*”; “*Ngang như cua*”;... Tất cả hình ảnh đó tạo nên bức tranh đa dạng về các sản vật vùng sông nước. Đằng sau bức tranh đầy màu sắc ấy ấy là những kinh nghiệm quý giá mà dân gian Khmer tích lũy được để truyền từ đời này sang đời khác.

2.2.4. Hình ảnh về công cụ, phương tiện đánh bắt

Ngoài nghề trồng trọt, chăn nuôi, việc đánh bắt thủy sản cũng là một trong những nghề mà người dân Khmer chú trọng. Qua khảo sát các câu thành ngữ - tục ngữ Khmer, ta thấy có hai dụng cụ đánh bắt được sử dụng phổ biến là *lờ* và *cần câu*. Với công cụ thô sơ tự chế này, người Khmer đã biết tận dụng sao cho mang lại hiệu quả cao trong việc đánh bắt: “*Đặt lờ phải rào gai, xẻ thịt dăng cộp mới ở sóc được*”; “*Người thấy lợi mà không thấy hại như cá thấy mồi mà không thấy lưới câu*”; “*Thấy cần câu qua núi*”;.... Thiên nhiên đã ưu ái cung cấp cho con người Nam Bộ nguồn thủy sản phong phú. Bằng những phương tiện thô sơ, người nông dân Khmer đã khai thác được nguồn lợi thủy sản sẵn có trong tự nhiên để phục vụ cho bữa ăn hằng ngày, kiếm thêm thu nhập nuôi sống gia đình và xây dựng một đời sống tinh thần phong phú.

3. Kết luận

Tác giả dân gian Khmer Nam Bộ đã lựa chọn và sử dụng hệ thống các hình ảnh quen thuộc và thích hợp để lưu truyền vốn kinh nghiệm sống phong phú của mình trong lao động sản xuất qua những câu thành ngữ, tục ngữ. Những hình ảnh vừa mang tính tả thực vừa mang tính biểu trưng giúp ta hiểu thêm đời sống lao động nông nghiệp cũng như những tâm tư tình cảm, những cách ứng xử đúng đắn của người nông dân Khmer với tự nhiên và với con người trong đời sống xã hội. Có thể nói, thành ngữ - tục ngữ của người Khmer Nam Bộ đã đóng vai trò quan trọng trong việc tái hiện lại một nền văn hóa nông nghiệp đặc trưng của vùng sông nước Nam Bộ. Từ đó, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho kho tàng văn học dân gian Khmer Nam Bộ nói riêng và kho tàng văn học dân gian Việt Nam nói chung.

Tài liệu tham khảo

- Chu Xuân Diên (cb). 2002. *Văn học dân gian Sóc Trăng*. NXB TP. Hồ Chí Minh.
- Chu Xuân Diên (cb). 2005. *Văn học dân gian Bạc Liêu*. NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh.
- Lê Hoàng Vân Trang. 2006. *Tài liệu sưu tầm, điền dã văn học dân gian Khmer Trà Vinh*. Trường Đại học Trà Vinh.
- Nguyễn Đức Dân. 1999. *Dấu ấn văn hóa qua tục ngữ*. Kiến thức ngày nay. 329. tr.03-06.
- Nguyễn Mạnh Cường. 2002. *Vài nét về người Khmer Nam Bộ*. NXB KHXH.
- Sơn Phước Hoan. 1998. *Thành ngữ và tục ngữ Khmer*. NXB Giáo dục.
- Trần Ngọc Thêm. 1997. *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*. NXB TP. Hồ Chí Minh.
- Trường Lưu. 1993. *Văn hóa người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Văn hóa Dân tộc.